

Bản án số: 205/2020/DS-ST

Ngày: 03-8-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.
2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: AH, thị trấn BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Võ Nguyễn Thanh C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường H, Phường MH, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13/4/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Võ Văn L trình bày:

Nguyên đơn – ông Võ Văn L trình bày: Vào ngày 09/3/2014, ông Huỳnh Quốc N giới thiệu ông gặp ông Võ Nguyễn Thanh C để đóng tiền cho ông C với mục đích

ông C sẽ đưa ông xuất khẩu lao động sang Nhật Bản. Ông đã đưa tiền cho ông N và ông C như sau:

Đợt 1: Ngày 09/3/2014 ông đưa cho ông N 4.000 USD tại địa chỉ số 130 đường số 24B, Khu phố 5, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân. Ông N nói là sẽ đưa số tiền này cho ông C.

Đợt 2: Ngày 17/6/2014 ông đưa cho ông C 2.000 USD và ông C có ký nhận.

Sau khi ông C nhận thêm tiền đợt 2 thì ông C không đưa ông vào trường học nghề mà lại đưa ông vào trường Nhật ngữ Sakura. Từ đó đến nay, ông không liên lạc với ông C được, điện thoại thì ông C không nghe máy.

Ông khởi kiện đề nghị ông C trả lại cho ông 6.000 đôla Mỹ (USD) tương đương số tiền 140.491.666 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/03/2015 đến ngày 01/02/206 là 8.311.666 đồng.

Ngày 11/3/2020, ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền ông đề nghị ông C trả lại cho ông 4.000 USD và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/03/2015 đến ngày 01/02/206 là 8.311.666 đồng.

Bị đơn – ông Võ Nguyễn Thanh C trình bày: Ông có thỏa thuận hướng dẫn ông L làm hồ sơ thủ tục nhập học vào trường kỹ thuật nghiệp vụ. Trong quá trình hướng dẫn làm hồ sơ cho anh L ông có nhận của ông L 2.000 USD để nhập học tại trường Nhật ngữ Sakura và hướng dẫn đi làm hồ sơ hợp tác lao động tại Nhật Bản. Sau khi ông L đã đi học, vì lý do cá nhân nên ông không làm công việc này nữa. Việc anh L đưa cho ông N số tiền 4.000 USD thì ông không biết và ông không có nhận. Do vậy, ông đã tư vấn cho ông L, đã làm thủ tục, hồ sơ cho ông L nhưng nay ông L không đi được nên căn cứ theo Giấy thỏa thuận ngày 09/3/2014 ông đồng ý trả lại cho ông L 50% chi phí đã nhận là 1.000 USD, trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hiện nay ông không có tài sản, ông đang làm công ăn lương nên việc trả tiền cho ông L một lần là không thể.

Bị đơn – ông Võ Nguyễn Thanh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ sau ngày 09/8/2016 và mở phiên tòa sơ thẩm nhưng ông vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, đủ điều kiện mở phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông L yêu cầu ông C trả lại cho ông số tiền 6.000 đôla Mỹ (USD) và số tiền lãi phát sinh theo Giấy thỏa thuận lập ngày 09/3/2014 là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điều 518 của Bộ luật dân sự 2005.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn – ông C hiện thường trú tại địa chỉ, Phường MH, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc tranh chấp quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tổng đạt:

[3.1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho C đến Tòa án tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa. Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của ông L, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân Quận 10 có đưa ông Huỳnh Quốc N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ngày 11/3/2020 ông L đã rút một phần yêu cầu đối với số tiền có liên quan đến ông N nên Tòa án nhân dân Quận 10 không tiếp tục đưa ông Huỳnh Quốc N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung: Ông L trình bày thực tế thỏa thuận giữa ông và ông C là ông C thực hiện các công việc với kết quả ông được xuất khẩu lao động sang Nhật Bản nhưng ông L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và ông C không thừa nhận thỏa thuận trên nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết yêu cầu của ông.

[4.1] Căn cứ Giấy thỏa thuận ngày 09/3/2014, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông L và C có thỏa thuận hợp đồng dịch vụ, nội dung công việc là ông C hướng dẫn ông L làm hồ sơ thủ tục nhập học vào trường kỹ thuật nghiệp vụ và nội dung thanh toán chi phí tổng cộng 03 đợt, tổng cộng 7.000 USD. Ông C đã nhận của ông L 2.000 USD vào ngày 17/6/2014. Như vậy, thực tế việc thỏa thuận và giao nhận tiền giữa ông L và ông C là bằng ngoại tệ (đô la Mỹ).

[4.2] Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối sửa đổi, bổ sung năm 2013 “Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của ông L và ông C vi phạm điều cấm của Pháp lệnh trên nên thỏa thuận giữa các ông

là vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự 2005. Căn cứ Điều 137 của Bộ luật Dân sự 2005 “Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự bị vô hiệu”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L buộc ông C có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L số tiền 46.120.000 đồng (tương đương 2.000 USD, tỷ giá 23.060 đồng/USD ngày 03/8/2020).

[4.3] Về việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 4.000 đô la Mỹ và số tiền lãi phát sinh từ ngày từ ngày 16/03/2015 đến ngày 01/02/2016 là 8.311.666 đồng. Xét, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu trên. Ông L có quyền khởi kiện lại ông C theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, ông C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí và lệ phí Tòa án: 5% x 46.120.000 đồng = 2.306.000 đồng.

[5.2] Hoàn lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.545.291 (Ba triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, hai trăm chín mươi một đồng) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 09853 ngày 21/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 244 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 128, Điều 137 và Điều 518 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối sửa đổi, bổ sung năm 2013;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Võ Nguyễn Thanh C có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Võ Văn L số tiền 46.120.000 (Bốn mươi sáu triệu, một trăm hai mươi ngàn) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L đối với số tiền 4.000 đôla Mỹ (USD) và số tiền lãi phát sinh từ ngày từ ngày 16/03/2015 đến ngày 01/02/2016 là 8.311.666 đồng. Ông L có quyền khởi kiện lại yêu cầu trên theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.306.000 đồng (Hai triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn) đồng, ông Võ Nguyễn Thanh C phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Võ Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.545.291 (Ba triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, hai trăm chín mươi một đồng) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 09853 ngày 21/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Phương